

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị  
tổ chức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và  
lệ phí;*

*Căn cứ khoản 9, Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11  
năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết  
định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc xây dựng mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) được  
trích để lại cho đơn vị tổ chức thu; bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn  
tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân  
dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng thu phí: Các đối tượng được thư viện cung cấp các dịch vụ phục vụ bạn đọc vốn tài liệu của thư viện.

3. Mức thu phí

| Số TT     | Nội dung   | Mức thu (đồng/thẻ/năm) |
|-----------|--|------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Đối với người lớn</b>   |                        |
| 1         | Thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu                                       | 20.000                 |
| 2         | Thẻ sử dụng tài liệu đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm | 80.000                 |
| <b>II</b> | <b>Đối với trẻ em dưới 16 tuổi</b>                               |                        |
| 1         | Thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu                                       | 10.000                 |

|   |  |        |
|---|--|--------|
| 2 | Thẻ sử dụng tài liệu đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm | 40.000 |
|---|--|--------|

Đối với các hoạt động dịch vụ khác, như: Dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin đã được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện, ... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.

#### 4. Đối tượng được giảm, miễn phí

a) Đối tượng được giảm phí: Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

- Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”, gồm:

+ Nhân dân các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ;

+ Người có công với cách mạng: Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ "tiền khởi nghĩa"; thân nhân liệt sĩ; anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công;

+ Người thuộc diện chính sách xã hội: Người tàn tật, người già cô đơn; các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật người khuyết tật;

- Người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên;

#### b) Đối tượng được miễn phí

- Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật người khuyết tật;

5. Tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí: Đơn vị tổ chức thu phí được trích để lại 90% trên tổng số phí thu được trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để trang trải cho các hoạt động tổ chức thu phí. Phần còn lại 10% nộp vào ngân sách Nhà nước.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 121/2013/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKAND, TAND, THADS tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- CPVP, Chuyên viên VP.HĐND tỉnh;
- CPVP, các phòng VP.UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn; Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Nghiệm**